

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

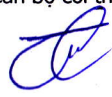
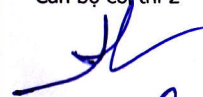


Môn học: **Thực tập phay 1 (227056) - Nhóm 03**





















MD: **Nguyễn Văn Tiên (270020)**

Số SV có mặt: 21.....

Số bài thi: 21.....

Số tờ giấy thi: 21.....

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Văn Tiên	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Văn Tiên	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Văn Tiên	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Văn Tiên
--	--	---	---

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2121030113	NGUYỄN TẤN BẢO	27/03/2003	CCQ2103D				8,3	8,5	8,4	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030126	VŨ TUẤN DUY	10/04/2003	CCQ2103D				8,0	8,3	8,2	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030157	CHÂU VĂN HẢI	16/10/2002	CCQ2103D				7,7	8,6	8,2	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040002	LÊ CHÍ HÀO	03/04/2003	CCQ2104A				8,3	8,2	8,2	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040004	NGUYỄN TẤN HẬU	16/10/2003	CCQ2104A				8,5	8,4	8,4	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121140039	TRẦN VĂN HIẾU	05/06/2003	CCQ2114A				8,5	8,2	8,3	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121140036	THÂN ĐỨC TRƯỜNG HUY	19/03/2003	CCQ2114A				8,0	8,1	8,1	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040018	NGUYỄN THANH HƯNG	04/04/2003	CCQ2104A				8,3	8,2	8,2	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040012	TRẦN NGUYỄN NHẬT KHA	18/12/2003	CCQ2104A				7,5	8,0	7,8	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040019	NGUYỄN HỮU MINH	25/03/2002	CCQ2104A				8,0	8,3	8,2	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040020	LƯƠNG ĐẮC NHÂN	09/03/2001	CCQ2104A				7,5	8,0	7,8	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2119030191	NGÔ TRỌNG NHÂN	07/08/2001	CCQ1903F				2,5	0	1,0	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040008	CAO MẪU TRẦN TÂM	30/06/2003	CCQ2104A				8,7	8,3	8,5	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040015	NGUYỄN TRÍ TÂM	05/12/2003	CCQ2104A				7,7	8,1	7,9	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121140038	NGUYỄN NGỌC THẮNG	07/01/2001	CCQ2114A				8,5	7,8	8,1	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040009	CHÂU HỒ NGỌC THỊNH	24/07/2003	CCQ2104A				8,0	8,1	8,1	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040016	TỔNG MINH TIẾN	07/06/2003	CCQ2104A				8,5	8,6	8,6	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121140037	NGUYỄN THÀNH TRUNG	09/05/2001	CCQ2120F				2,5	0	1,0	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121140033	VŨ NHẬT TRƯỜNG	20/05/2003	CCQ2114A				7,7	8,5	8,2	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121040001	TRẦN DUY TƯỜNG	08/01/2003	CCQ2104A				8,0	8,5	8,3	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

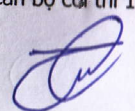
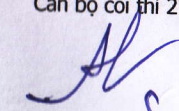
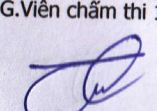
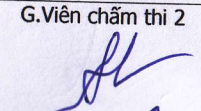
ôn học: **Thực tập phay 1 (227056) - Nhóm 03**

BGD: **Nguyễn Văn Tiên (270020)**

Số SV có mặt: 21.....

Số bài thi: 21.....

Số tờ giấy thi: 21.....

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Văn Tiên	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Văn Tiên	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Văn Tiên	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Văn Tiên
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121040023	PHAN ANH VŨ	06/07/2003	CCQ2104A			Vũ.	8,5	8,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022



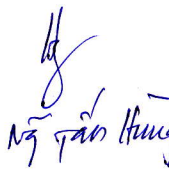
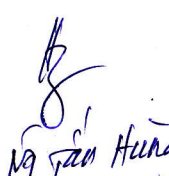
Mục: **Thực tập phay 1 (227056) - Nhóm 04**





















D: **Nguyễn Tấn Hùng (270003)**

Số SV có mặt: ...17.....

Số bài thi: ...17.....

Số tờ giấy thi: ...17.....

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Tấn Hùng	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Tấn Hùng	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Tấn Hùng	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Tấn Hùng
--	--	---	---

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2121140019	NGUYỄN THẾ DU	03/04/2003	CCQ2114A				7,6	7,6	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140006	NGUYỄN NGỌC HIẾN	18/03/2003	CCQ2114A				6,6	6,6	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140029	NGUYỄN THANH HỒ	29/08/2003	CCQ2114A				8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140014	TRẦN QUỐC KHÁNH	02/09/2003	CCQ2114A				7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140015	PHẠM MINH KHÔI	05/11/2003	CCQ2114A				8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140020	NGUYỄN DUY KIẾU	04/08/2003	CCQ2114A				3,0	3,0	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140003	NGUYỄN NGỌC LÂM	20/10/2003	CCQ2114A				7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140028	NGUYỄN PHI LONG	25/06/2003	CCQ2114A				8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140001	NGUYỄN HỒNG NGUYỄN	10/06/2003	CCQ2114A				7,6	7,6	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140024	NGUYỄN THANH NHÀN	28/05/2003	CCQ2114A				7,3	7,3	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140027	NGUYỄN CÔNG NHỆ	26/08/2003	CCQ2114A				0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140002	BÙI MINH NHỰT	26/02/2003	CCQ2114A				3,3	3,3	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140031	LÊ TẤN PHÁT	25/06/2003	CCQ2114A				8,3	8,3	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140011	NGUYỄN THANH SƠN	08/01/2003	CCQ2114A				6,0	6,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140026	TRẦN THẾ THUẬN	03/12/2003	CCQ2114A				8,3	8,3	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140017	LÊ HOÀNG TRIỀU	08/08/2002	CCQ2114A				7,3	7,3	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140008	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	19/02/2003	CCQ2114A				7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140016	ĐỖ MINH TRƯỜNG	06/05/2003	CCQ2114A				8,6	8,6	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140007	ĐỖ TIẾN VĨ	03/06/2003	CCQ2114A				8,6	8,6	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121140021	HOÀNG CÔNG VINH	02/08/2003	CCQ2114A				7,6	7,6	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9